

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 207/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 04 năm 2024, giữa:

- Chị Phạm Thị U, sinh năm 1991
Nơi thường trú: Phố PL, phường QT, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa.
Nơi ở hiện tại: Xóm X, xã PP, huyện LN, tỉnh Hà Nam.

- Anh Trương Sỹ C, sinh năm 1987
Nơi thường trú: Phố PL, phường QT, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa.
Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 04 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 04 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị U và anh Trương Sỹ C.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về hôn nhân: Chị Phạm Thị U và anh Trương Sỹ C thuận tình ly hôn.
 - Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trương Sỹ K, sinh ngày 26/02/2017 và cháu Trương Sỹ N, sinh ngày 22/10/2021. Ly hôn, vợ chồng thoả

thuận giao cho anh **C** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu **K** và **N**, chị **U** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) cho mỗi cháu. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2024 cho đến khi các cháu thành niên.

Chị **U** có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị Phạm Thị **U** và anh Trương Sỹ **C** không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí Dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị **U** phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung, do chị **U** tự nguyện chịu toàn bộ án phí, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố **TH**, theo biên lai số 0001381 ngày 03/04/2024 (chị **U** đã nộp đủ án phí).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Tp **TH**;
- UBND phường **QT**, Tp **TH**;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Tân